PHÒNG GD-ĐT GIA LÂM **ĐỀ THI KHẢO SÁT VÀO LỚP 10**

**TRƯỜNG THCS ĐA TỐN NĂM HỌC 2020-2021**

 **Môn: Địa lí 9**

 **ĐỀ 1**

**Câu 1:** Tháp dân số là biểu đồ thể hiện kết cấu dân số theo:

**A.** độ tuổi và giới tính **B.** số dân và mật độ dân số.

**C.** giới tính **D.** độ tuổi

**Câu 2:** Trong giai đoạn hiện nay, tỷ lệ sinh giảm là do:

**A.**nhà Nước không cho sinh nhiều.

**B.** tâm lý trọng nam khinh nữ không còn.

**C.** số phụ nữ trong độ tuổi sinh sản giảm.

**D.** thực hiện tốt kế hoạch hoá gia đình.

**Câu 3:** Việt Nam đã trải qua giai đoạn bùng nổ dân số trong giai đoạn:

**A.** Từ 1945 đến 1954. **B.** Từ 1945 trở về trước.

**C.** Từ những năm 50 đến hết thế kỷ XX . **D.** Từ năm 2000 đến nay

**Câu 4:** Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến sự đổi thay to lớn của nông nghiệp nước ta trong những năm Đổi mới là :

**A.** Đường lối đổi mới trong nông nghiệp. **B.** Khí hậu thuận lợi.

**C.** Nông dân cần cù lao động. **D.** Đất đai màu mỡ.

**Câu 5:** Tại sao nguồn lao động dư mà nhiều nhà máy, xí nghiệp vẫn còn thiếu lao động?

**A.** Nguồn lao động tăng chưa kịp.

**B.** Số lượng nhà máy tăng nhanh.

**C.** Nguồn lao đông nhập cư nhiều.

**D.** Nguồn lao động không đáp ứng được yêu cầu

**Câu 6:** Loại tài nguyên rất quý giá, không thể thiếu trong quá trình sản xuất nông nghiệp là:

**A**.khí hậu **B.** đất đai **C.** nước **D.** phân bón.

**Câu 7:** Tài nguyên quý giá nhất của Đồng bằng sông Hồng là?

**A**.Đất phù sa **B**. Cát thủy tinh **C**. Dầu khí **D**. Đá

**Câu 8:** Quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh, thành phố nào của nước ta?

**A**.Khánh Hòa  **B**. Huế **C**. Đà Nẵng **D**. Phú Yên

**Câu 9 :**Sản phẩm xuất khẩu đem lại giá trị kinh tế cho Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

**A**. Cao su **B**. Chè **C**. Cà phê **D**. Điều

**Câu 10:** Hoạt động kinh tế chủ yếu của người dân sống miền núi, gò đồi phía tây Bắc Trung Bộ là?

**A**. Đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản  **B**. Thương mại, du lịch

**C**. Nghề rừng, trồng cây công nghiệp lâu năm. **D**. Sản xuất lương thực

**Câu 11**: Di tich Mỹ Sơn là di sản văn hóa thuộc vùng nào?

1. Trung du miền núi Bắc Bộ **B**.Đồng bằng sông Hồng

**C**.Bắc Trung Bộ **D**. Duyên hải Nam Trung Bộ

**Câu 12:** Tỉnh nào sau đây của Trung du và miền núi Bắc Bộ giáp biển?

**A**. Lạng Sơn. **B**. Cao Bằng. **C**. Tuyên Quang. **D**. Quảng Ninh.

**Câu 13:** Nhóm ngành có tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trịsản xuất công nghiệp là:

**A**. sản xuất điện, khí đốt, nước **B**. khai thác.

**C**. chế biến lương thực, thực phẩm **D**. phân phối điện, khí đốt, nước.

**Câu 14:** Nguyên nhân quan trọng làm cho mật độ dân số của vùng Đồng bằng sông Cửu Long thấp hơn vùng Đồng bằng sông Hồng là do:

**A.** kinh tế kém phát triển. **B.** diện tích đất phèn, đất mặn lớn.

**C.** diện tích của vùng lớn hơn. **D.** lịch sử khai thác muộn.

**Câu 15:** Đặc điểm nổi bật của khí hậu vùng Đông Nam Bộ là tính chất:

**A.** Nhiệt đới nóng khô. **B.** Cận xích đạo nóng quanh năm.

**C.** Nhiệt đới ẩm gió mùa. **D.** Cận xích đạo mưa quanh năm.

**Câu 16:** Căn cứ vào Atlat trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào lớn nhất Đồng bằng sông Cửu Long?

**A.** Long Xuyên. **B.** Kiên Giang. **C.** Cần Thơ. **D.** Mỹ Tho**.**

**Câu 17:** Ngành chăn nuôi gia súc ở Đông Nam Bộ được phát triển theo hướng:

**A.**công nghiệp **B.** chuồng trại **C.** bán thâm canh **D.** nửa chuồng trại

**Câu 18:** Vấn đề nào có ý nghĩa hàng đầu trong việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp của vùng Đông Nam Bộ?

**A.** Thuỷ lợi. **B.** Giống cây trồng vật nuôi.

**C.** Bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn. **D.** Thị trường tiêu thụ

**Câu 19:** Đặc điểm nào sau đây đúng với vị trí, giới hạn lãnh thổ vùng Đồng bằng sông Cửu Long ?

**A**.Tiếp giáp với Cam Pu Chia và Lào ở phía Đông

**B.** Bao gồm 13 tỉnh /thành.

**C.** Tiếp giáp với biển Đông ở phía Bắc.

**D.** Là đồng bằng châu thổ lớn thứ 2 nước ta.

**Câu 20:** Điều kiện tự nhiên nào sau đây **không** ảnh hưởng đến sản xuất lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long ?

**A**.Diện tích đất nông nghiệp lớn.

**B.** Khí hậu cận xích đạo nóng quanh năm.

**C.** Tài nguyên sinh vật đa dạng.

**D.** Địa hình thấp và bằng phẳng

**Câu 21:** Nghề nuôi trồng đánh bắt thuỷ sản ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long phát triển mạnh **không** phải do:

**A.** vùng có ngư trường rộng lớn. **B.** vùng có nhiều đảo lớn.

**C.** nguồn thức ăn dồi dào. **D.** diện tích rừng ngập mặn lớn nhất.

**Câu 22:** Bờ biển nước ta kéo dài khoảng 3260 km từ:

**A.** Móng Cái đến Vũng Tàu **B.** Vũng Tàu đến Mũi Cà Mau

**C.** Mũi Cà Mau đến Hà Tiên **D.** Móng Cái đến Hà Tiên.

**Câu 23:** Cho biểu đồ

 

Căn cứ vào biểu đồ đã cho, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về tỉ trọng sản lượng thuỷ sản vùng Đồng bằng sông Cửu Long từ năm 1995-2002?

**A.** Tỉ trọng tăng liên tục.

**B.** Tỉ trọng chiếm trên 50% cả nước

**C.** Tỉ trọng tăng liên tục và chiếm trên 50% cả nước.

**D.** Tỉ trọng giảm liên tục, chiếm trên 50% cả nước.

**Câu 24:** Việc trồng rừng phòng hộ ven biển ở vùng Bắc Trung Bộ nhằm mục đích chủ yếu là:

**A.** Bảo vệ môi trường.

**B.** Làm giảm tác động của thủy triều.

**C.** Ngăn chặn nạn cát bay, sạt lở bờ biển.

**D.** Điều hòa nguồn nước, hạn chế lũ**.**

**Câu 25:** Khó khăn lớn nhất trong sản xuất lương thực của Đồng bằng sông Hồng hiện nay là:

**A**.người dân ít kinh nghiệm. **B**. khí hậu khắc nghiệt.

**C**.diện tích đất canh tác bị thu hẹp. **D**. thiếu nước.

**Câu 26:** Hoạt động dịch vụ phát triển mạnh nhất ở Tây Nguyên là:

**A.** xuất nhập khẩu **B.** du lịch

**C.** bưu chính viễn thông **D.** giao thông, vận tải

**Câu 27:** Diện tích cây trồng ở Đồng bằng sông Cửu Long không ngừng tăng lên là do:

**A.** thay đổi cơ cấu giống lúa.

**B.** khai hoang tốt.

**C.** đảm bảo được nguồn nước tưới trong mùa khô.

**D.** thau chua, rửa mặn tốt.

**Câu 28:** Vấn đề nào có ý nghĩa hàng đầu trong việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp của vùng Đông Nam Bộ?

**A.** Thị trường tiêu thụ.

**B.** Thuỷ lợi.

**C.** Giống cây trồng vật nuôi.

**D.** Bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn.

**Câu 29:** Trong quá trình khai thác thuỷ hải sản, không nên đánh bắt ven bờ là do:

**A.** thiếu vốn. **B.** cá nhỏ

**C.** cạn kiệt nguồn giống. **D.** ô nhiễm môi trường.

**Câu 30:** Loại hình giao thông vận tải phát triển nhất vùng Đồng bằng Sông Cửu Long là:

**A.** đường sông **B.** đường sắt **C.** đường bộ **D.** đường biển.

**Câu 31:** Đà Lạt, ngoài nổi tiếng về hoa nơi đây còn được biết đến là nơi sản xuất nhiều:

**A.** rừng lá kim **B.** rau quả ôn đới. **C.** đại gia súc **D.** cây công nghiệp

**Câu 32:** Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở Tây Nguyên là:

**A**.phù sa. **B.** ba dan. **C.** phù sa cổ **D.** mùn núi cao.

**Câu 33:** Trung tâm kinh tế lớn nhất của Đồng bằng sông Cửu Long?

**A.** Long Xuyên. **B.** Cà Mau **C.** Mĩ Tho. **D.** Cần Thơ.

**Câu 34:** Loại hình du lịch biển đang được khai thác nhiều nhất ở nước ta hiện nay là gì?

1. Lặn biển. **B.** Ẩm thực. **C.** Tắm biển. **D.** Lướt ván.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

 |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**Câu 35:** Cà phê được trồng nhiều nhất ở tỉnh nào của Tây Nguyên?

**A**.Gia Lai **B.** Lâm Đồng **C.** Đắk Lắk **D.** Kon Tum.

**Câu 36:** Kinh tế biển gồm bao nhiêu ngành ?

**A.** 3 ngành **B.** 4 ngành. **C.** 5 ngành. **D.** 6 ngành.

**Câu 37:** Yếu tố nào **không** tác động đến nghề làm muối ở ven biển Nam Trung Bộ ?

**A.** Độ mặn cao. **B.** Khí hậu nóng.

**C.** Kinh nghiệm người dân. **D.** Trình độ dân trí.

**Câu 38:** Sản xuất điện là ngành trọng điểm ở Đông Nam Bộ là do:

**A.** trữ lượng dầu khí lớn ở thềm lục địa

**B.** sông ngòi có trữ năng thuỷ điện lớn.

**C.** cơ sở hạ tầng tương đối hoàn thiện.

**D.** khí hậu xận xích đạo nóng quanh năm

**Câu 39:** Đông Nam Bộ là địa bàn có sức hút nguồn đầu tư nước ngoài :

**A.** Mạnh **B.** Mạnh nhất

**C.** Khá mạnh **D.** Tương đối mạnh

**Câu 40:**Đểhạn chế tác hại của lũ, phương hướng chủ yếu hiện nay ở Đồng bằng sông Cửu Long là:

**A**.Trồng rừng để chống lũ. **B**.Xây dựng hệ thống đê điều.

**C**.Chủ động sống chung với lũ. **D**.Tăng cường công tác dự báo lũ.

PHÒNG GD-ĐT GIA LÂM **ĐÁP ÁN THI KHẢO SÁT VÀO LỚP 10**

**TRƯỜNG THCS ĐA TỐN NĂM HỌC 2020-2021**

 **Môn: Địa lí 9**

 **ĐỀ 1**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu Đáp án** | 1A | 2D | 3C | 4A | 5D | 6B | 7A | 8A | 9B | 10C |
| 11D | 12D | 13C | 14D | 15B | 16C | 17A | 18A | 19B | 20C |
| 21B | 22D | 23D | 24C | 25B | 26A | 27D | 28B | 29C | 30A |
| 31B | 32B | 33D | 34C | 35C | 36B | 37D | 38B | 39B | 40C |

PHÒNG GD-ĐT GIA LÂM **MA TRẬN THI KHẢO SÁT VÀO LỚP 10**

**TRƯỜNG THCS ĐA TỐN NĂM HỌC 2020-2021**

 **Môn: Địa lí 9**

 **ĐỀ 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Cấp độ nhận thức** | **Tổng** |
| **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng**  |
| ***TNKQ*** | ***TNKQ*** | ***Vận dụng thấp*** | ***Vận dụng cao*** |
| **Dân số,nguồn lao động,..** |  |  |  |  |  |
| *Số câu**Số điểm**Tỉ lệ* | *1 câu**0.25**2.5%* | 3 câu0.757.5% |  |  | ***4******1******10%*** |
| **Kinh tế chung(nông nghiệp, công nghiệp)** |  |  |  |  |  |
| *Số câu**Số điểm**Tỉ lệ* | *2 câu**0.5* | 1 câu0.25 |  |  | ***3******0.75******7.5%*** |
| **Các vùng kinh tế** |  |  |  |  |  |
| *Số câu**Số điểm**Tỉ lệ* | 143.535% | 51.2512.5% | 61.515% | 4110% | ***29******7.25******72.5%*** |
| **Phát triển tổng hợp kinh tế biển** |  |  |  |  |  |
| *Số câu**Số điểm**Tỉ lệ* | 30.757.5% | 10.252.5% |  |  | ***4******1******10%*** |
| **Tổng***Số câu**Số điểm**Tỉ lệ* | **50%****20****5** | **25%****10****2.5****35%** | **25%****6 4****1.5 1****1.5****30%** | **100%****40****10****100%** |